

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2022

**DANH SÁCH HỌC VIÊN THẠC SĨ KHÓA 2021-2023
THI CHỨNG CHỈ SINH HỌC PHÂN TỬ**

Thời gian: 13 giờ 30 phút, Thứ Bảy 28/5/2022

Địa điểm: Giảng đường 5B

| TT | Số báo danh | Mã HV | Họ tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | Mã đề | Ký tên |
|----|-------------|-----------|-----------------------|------------|-----------------|------------------------------------|-------|--------|
| 01 | 11201 | 127211201 | Phan Thị Lan Hương | 27/8/1993 | Gia Lai | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 02 | 11202 | 127211202 | Huỳnh Như Huỳnh | 20/6/1994 | Bến Tre | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 03 | 11203 | 127211203 | Danh Bảo Khánh | 20/10/1995 | Sóc Trăng | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 04 | 11204 | 127211204 | Nguyễn Tấn Khoa | 31/10/1996 | Sóc Trăng | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 05 | 11205 | 127211205 | Lê Nguyệt Linh | 02/10/1996 | Gia Lai | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 06 | 11206 | 127211206 | Trịnh Thị Tuyết Minh | 11/5/1994 | Bến Tre | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 07 | 11207 | 127211207 | Huỳnh Thị Như Mỹ | 19/6/1994 | Bình Định | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 08 | 11208 | 127211208 | Nguyễn Thị Bảo Ngọc | 15/4/1994 | Khánh Hòa | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 09 | 11209 | 127211209 | Phan Thị Kim Ngọc | 01/9/1996 | Bình Thuận | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 10 | 11210 | 127211210 | Nguyễn Duy Thanh | 17/7/1996 | Cà Mau | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 11 | 11211 | 127211211 | Nguyễn Trần Anh Thư | 25/01/1995 | Quảng Nam | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 12 | 11212 | 127211212 | Chung Lê Đoàn Trang | 15/4/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 13 | 11213 | 127211213 | Ngô Thị Phương Uyên | 14/7/1996 | Quảng Bình | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 14 | 11214 | 127211214 | Lương Thế Vinh | 06/7/1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 15 | 11215 | 127211215 | Võ Tường Thảo Vy | 06/10/1994 | Thừa Thiên Huế | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 16 | 11216 | 127211216 | Phùng Xuân Kim Yến | 01/02/1995 | Đắk Lắk | Nội khoa (Da liễu) | | |
| 17 | 11217 | 127211217 | Châu Hồng Anh | 01/4/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Huyết học và truyền máu) | | |
| 18 | 11218 | 127211218 | Phạm Đỗ Phương Anh | 25/11/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Huyết học và truyền máu) | | |
| 19 | 11221 | 127211221 | Phạm Nguyễn Huân | 12/11/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Huyết học và truyền máu) | | |
| 20 | 11224 | 127211224 | Nguyễn Trần Quỳnh Như | 19/8/1992 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Huyết học và truyền máu) | | |
| 21 | 11228 | 127211228 | Nguyễn Thị Đào | 22/12/1995 | Hà Tĩnh | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 22 | 11229 | 127211229 | Trương Ngọc Dung | 14/8/1995 | An Giang | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 23 | 11230 | 127211230 | Phạm Trường Giang | 19/7/1991 | Bến Tre | Nội khoa (Lão khoa) | | |

| TT | Số báo danh | Mã HV | Họ tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | Mã đề | Ký tên |
|----|-------------|-----------|------------------------|------------|-----------------|-------------------------------|-------|--------|
| 24 | 11232 | 127211232 | Nguyễn Thị Thúy Hằng | 18/5/1994 | Long An | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 25 | 11234 | 127211234 | Lê Thị Hồng Hoa | 07/12/1995 | Bình Dương | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 26 | 11235 | 127211235 | Lê Quốc Hưng | 19/10/1991 | Bình Thuận | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 27 | 11236 | 127211236 | Nguyễn Quốc Huy | 25/3/1996 | Quảng Ngãi | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 28 | 11239 | 127211239 | Nguyễn Thị Liên | 12/12/1995 | Đắk Lắk | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 29 | 11240 | 127211240 | Huỳnh Thị Mỹ Linh | 26/12/1995 | Gia Lai | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 30 | 11241 | 127211241 | Đình Thị Na | 02/6/1994 | Quảng Trị | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 31 | 11243 | 127211243 | Trần Thị Mỹ Nhật | 23/8/1994 | Tây Ninh | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 32 | 11245 | 127211245 | Lê Trịnh Thủy Tiên | 25/8/1988 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 33 | 11246 | 127211246 | Nguyễn Huỳnh Quang Tín | 16/3/1993 | Long An | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 34 | 11247 | 127211247 | Nguyễn Hoàng Bảo Trân | 30/7/1995 | Đồng Tháp | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 35 | 11248 | 127211248 | Trương Thị Thu Trang | 07/9/1993 | Hậu Giang | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 36 | 11249 | 127211249 | Trình Thực Trinh | 25/6/1996 | Ninh Thuận | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 37 | 11252 | 127211252 | Đỗ Nguyễn Thảo Uyên | 26/6/1996 | Đồng Nai | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 38 | 11253 | 127211253 | Nguyễn Hữu Vinh | 15/10/1993 | Tiền Giang | Nội khoa (Lão khoa) | | |
| 39 | 11255 | 127211255 | Nguyễn Mạnh Nguyên | 08/02/1990 | Đắk Lắk | Nội khoa (Nội tiết) | | |
| 40 | 11259 | 127211259 | Nguyễn Thị Huệ Thiên | 14/01/1995 | Bình Thuận | Nội khoa (Nội tiết) | | |
| 41 | 11264 | 127211264 | Hoàng Thị Diệu Nguyên | 10/5/1993 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Phục hồi chức năng) | | |
| 42 | 11265 | 127211265 | Hoàng Trí Phương | 22/4/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Phục hồi chức năng) | | |
| 43 | 11267 | 127211267 | Đặng Thị Hiền Thảo | 25/6/1996 | Gia Lai | Nội khoa (Phục hồi chức năng) | | |
| 44 | 11268 | 127211268 | Đoàn Thị Thùy Trang | 25/4/1994 | Lâm Đồng | Nội khoa (Phục hồi chức năng) | | |
| 45 | 11269 | 127211269 | Phan Minh Tuấn | 24/11/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Nội khoa (Phục hồi chức năng) | | |
| 46 | 11270 | 127211270 | Phạm Ánh Minh | 11/7/1995 | Tiền Giang | Nội khoa (Tâm thần) | | |
| 47 | 11274 | 127211274 | Lương Phan Bảo Duy | 08/02/1993 | Vĩnh Long | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 48 | 11275 | 127211275 | Nguyễn Thị Thúy Duy | 02/9/1993 | Trà Vinh | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 49 | 11277 | 127211277 | Huỳnh Đăng Lộc | 05/02/1992 | Quảng Nam | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 50 | 11278 | 127211278 | Nguyễn Đình Nguyên | 20/5/1994 | Đà Nẵng | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 51 | 11280 | 127211280 | Nguyễn Văn Đăng Sơn | 01/8/1992 | Quảng Nam | Nội khoa (Thần kinh) | | |

| TT | Số báo danh | Mã HV | Họ tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | Mã đề | Ký tên |
|----|-------------|-----------|------------------------|------------|-----------------|----------------------|-------|--------|
| 52 | 11281 | 127211281 | Lê Nhật Tân | 13/7/1996 | Cần Thơ | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 53 | 11284 | 127211284 | Phạm Phước Tuấn | 19/10/1995 | Đà Nẵng | Nội khoa (Thần kinh) | | |
| 54 | 11285 | 127211285 | Trần Thị Ngọc Anh | 29/7/1995 | Hải Phòng | Sản phụ khoa. | | |
| 55 | 11286 | 127211286 | Nguyễn Phạm Ngọc Châu | 14/02/1996 | Thừa Thiên Huế | Sản phụ khoa. | | |
| 56 | 11287 | 127211287 | Võ Trân Châu | 15/9/1996 | Tiền Giang | Sản phụ khoa. | | |
| 57 | 11288 | 127211288 | Qua Qua Nhị Chí Chính | 02/5/1992 | Bình Thuận | Sản phụ khoa. | | |
| 58 | 11289 | 127211289 | Hà Quang Điền | 02/11/1991 | Trà Vinh | Sản phụ khoa. | | |
| 59 | 11290 | 127211290 | Đào Tuấn Dũng | 11/4/1995 | Sông Bé | Sản phụ khoa. | | |
| 60 | 11292 | 127211292 | Trần Thị Tuyết Hạnh | 10/3/1996 | Bình Thuận | Sản phụ khoa. | | |
| 61 | 11293 | 127211293 | Lê Thị Minh Hiền | 20/12/1990 | Đắk Lắk | Sản phụ khoa. | | |
| 62 | 11294 | 127211294 | Nguyễn Thị Kim Hiền | 26/01/1995 | Kiên Giang | Sản phụ khoa. | | |
| 63 | 11296 | 127211296 | Huỳnh Kha | 05/10/1995 | Bạc Liêu | Sản phụ khoa. | | |
| 64 | 11298 | 127211298 | Nguyễn Tuấn Lộc | 24/9/1996 | Gia Lai | Sản phụ khoa. | | |
| 65 | 11300 | 127211300 | Nguyễn Thái Bình Minh | 09/01/1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Sản phụ khoa. | | |
| 66 | 11301 | 127211301 | Trần Văn Nam | 17/6/1995 | An Giang | Sản phụ khoa. | | |
| 67 | 11302 | 127211302 | Nguyễn Xuân Nghĩa | 17/3/1995 | Thanh Hóa | Sản phụ khoa. | | |
| 68 | 11303 | 127211303 | Huỳnh Thị Thanh Nguyệt | 17/01/1996 | Ninh Thuận | Sản phụ khoa. | | |
| 69 | 11306 | 127211306 | Châu Thị Xuân Thảo | 19/5/1995 | Long An | Sản phụ khoa. | | |
| 70 | 11307 | 127211307 | Trần Hoàng Thống | 07/3/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Sản phụ khoa. | | |
| 71 | 11308 | 127211308 | Nguyễn Thị Thủy | 06/4/1996 | Nghệ An | Sản phụ khoa. | | |
| 72 | 11309 | 127211309 | Dương Thùy Trang | 07/11/1996 | Gia Lai | Sản phụ khoa. | | |
| 73 | 11310 | 127211310 | Nguyễn Thị Kim Tuyền | 04/10/1993 | Tiền Giang | Sản phụ khoa. | | |
| 74 | 11311 | 127211311 | Dương Kim Thiện Uyên | 07/7/1995 | Sóc Trăng | Sản phụ khoa. | | |
| 75 | 11312 | 127211312 | Nguyễn Cao Vân | 12/8/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Sản phụ khoa. | | |
| 76 | 11313 | 127211313 | Trương Thanh Vị | 09/01/1994 | Kiên Giang | Sản phụ khoa. | | |
| 77 | 11314 | 127211314 | Nguyễn Hoàng Vũ | 26/02/1995 | Đà Nẵng | Sản phụ khoa. | | |
| 78 | 11316 | 127211316 | Đặng Quốc Bảo | 26/01/1994 | Lâm Đồng | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 79 | 11317 | 127211317 | Nguyễn Thị Thiện Bình | 07/12/1995 | Khánh Hòa | Tai - Mũi - Họng. | | |

| TT | Số báo danh | Mã HV | Họ tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | Mã đề | Ký tên |
|-----|-------------|-----------|-------------------------|------------|-----------------|-------------------|-------|--------|
| 80 | 11318 | 127211318 | Lý Văn Cum | 17/8/1994 | Kiên Giang | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 81 | 11319 | 127211319 | Nguyễn Văn Đăng | 04/01/1984 | Đồng Tháp | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 82 | 11321 | 127211321 | Lê Quang Đức | 26/8/1996 | Sông Bé | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 83 | 11322 | 127211322 | Lê Văn Hải | 12/12/1995 | Hải Dương | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 84 | 11323 | 127211323 | Châu Ngọc Hân | 05/11/1996 | Tiền Giang | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 85 | 11324 | 127211324 | Lê Huy Hoàng | 20/11/1996 | Kiên Giang | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 86 | 11327 | 127211327 | Lưu Nguyễn An Khương | 14/10/1996 | Vĩnh Long | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 87 | 11329 | 127211329 | Nguyễn Đỗ An Nhiên | 14/6/1994 | Đắk Lắk | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 88 | 11330 | 127211330 | Trần Trọng Phát | 21/8/1996 | Quảng Ngãi | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 89 | 11332 | 127211332 | Đỗ Hoàng Phong | 27/4/1994 | Đồng Tháp | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 90 | 11333 | 127211333 | Nguyễn Minh Phước | 26/9/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 91 | 11334 | 127211334 | Nguyễn Đăng Quang | 15/02/1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 92 | 11335 | 127211335 | Huỳnh Chí Thành | 26/3/1996 | Bạc Liêu | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 93 | 11336 | 127211336 | Trần Huỳnh Thu Thảo | 02/10/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 94 | 11337 | 127211337 | Nguyễn Lê Vĩnh Thuận | 15/7/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 95 | 11338 | 127211338 | Lê Mỹ Thương | 16/5/1995 | Bến Tre | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 96 | 11339 | 127211339 | Lê Nguyễn Trọng Tín | 16/7/1996 | Đồng Tháp | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 97 | 11340 | 127211340 | Trần Dương Phương Trinh | 01/7/1996 | Sóc Trăng | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 98 | 11341 | 127211341 | Nguyễn Huyền Vi | 01/5/1990 | Đắk Lắk | Tai - Mũi - Họng. | | |
| 99 | 11344 | 127211344 | Nguyễn Hoàng Gia An | 07/02/1994 | Tp. Hồ Chí Minh | Ung thư. | | |
| 100 | 11345 | 127211345 | Hoàng Đức | 11/12/1991 | Tp. Hồ Chí Minh | Ung thư. | | |
| 101 | 11346 | 127211346 | Lâm Vĩnh Hào | 16/11/1994 | Sóc Trăng | Ung thư. | | |
| 102 | 11347 | 127211347 | Trần Trương Kim Hoàn | 11/3/1993 | Trà Vinh | Ung thư. | | |
| 103 | 11348 | 127211348 | Phạm Việt Hoat | 10/5/1994 | Thái Bình | Ung thư. | | |
| 104 | 11350 | 127211350 | Trần Nhân | 09/9/1991 | Tp. Hồ Chí Minh | Ung thư. | | |
| 105 | 11351 | 127211351 | Nguyễn Văn Thành | 23/7/1993 | Ninh Bình | Ung thư. | | |
| 106 | 11353 | 127211353 | Lê Xuân Triệu | 01/5/1994 | Hậu Giang | Ung thư. | | |
| 107 | 13403 | 227213403 | Nguyễn Thị Dung | 20/3/1995 | Lâm Đồng | Răng - Hàm - Mặt | | |

| TT | Số báo danh | Mã HV | Họ tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | Mã đề | Ký tên |
|-----|-------------|-----------|------------------------|------------|-------------------|------------------|-------|--------|
| 108 | 13405 | 227213405 | Mai Tiến Dũng | 06/9/1996 | Đồng Nai | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 109 | 13407 | 227213407 | Nguyễn Thị Tâm Duyên | 16/8/1996 | Vĩnh Long | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 110 | 13409 | 227213409 | Võ Mạnh Hùng | 19/11/1989 | Đắk Lắk | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 111 | 13411 | 227213411 | Phan Minh Khôi | 03/10/1996 | Tp. Hồ Chí Minh | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 112 | 13412 | 227213412 | Lê Đỗ Tuấn Kiệt | 17/7/1995 | Ninh Thuận | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 113 | 13413 | 227213413 | Nguyễn Hoàng Lộc | 30/5/1994 | Quảng Nam | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 114 | 13414 | 227213414 | Lê Nguyễn Minh Phúc | 24/9/1995 | An Giang | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 115 | 13417 | 227213417 | Huỳnh Kim Thy | 17/12/1996 | Tây Ninh | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 116 | 13418 | 227213418 | Nguyễn Thị Huyền Trang | 20/11/1989 | Lâm Đồng | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 117 | 13419 | 227213419 | Huỳnh Phạm Anh Trúc | 10/4/1994 | Long An | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 118 | 13421 | 227213421 | Nguyễn Trần Yến Xuân | 16/8/1995 | Tp. Hồ Chí Minh | Răng - Hàm - Mặt | | |
| 119 | 14600 | 327214600 | Cao Lê Bình An | 08/11/1996 | Bình Thuận | Y học cổ truyền. | | |
| 120 | 14601 | 327214601 | Hoàng Trí Đạo | 06/3/1991 | Đồng Nai | Y học cổ truyền. | | |
| 121 | 14602 | 327214602 | Dương Phan Nguyên Đức | 01/9/1996 | Bà Rịa - Vũng Tàu | Y học cổ truyền. | | |
| 122 | 14604 | 327214604 | Bùi Khánh Hà | 06/4/1992 | Thái Bình | Y học cổ truyền. | | |
| 123 | 14605 | 327214605 | Trương Thanh Hoàng | 05/01/1996 | An Giang | Y học cổ truyền. | | |
| 124 | 14606 | 327214606 | Hồ Thị Xuân Hồng | 19/6/1991 | Bình Định | Y học cổ truyền. | | |
| 125 | 14607 | 327214607 | Nguyễn Minh Huệ | 16/8/1996 | Lâm Đồng | Y học cổ truyền. | | |
| 126 | 14608 | 327214608 | Huỳnh Ánh Kim | 16/8/1991 | Tiền Giang | Y học cổ truyền. | | |
| 127 | 14610 | 327214610 | Ngô Thái Diệu Lương | 10/7/1996 | Phú Yên | Y học cổ truyền. | | |
| 128 | 14611 | 327214611 | Phạm Thị Thuý Nga | 15/6/1973 | Quảng Ngãi | Y học cổ truyền. | | |
| 129 | 14613 | 327214613 | Phạm Ngọc Xuân Nhi | 22/02/1996 | Long An | Y học cổ truyền. | | |
| 130 | 14614 | 327214614 | Nguyễn Thị Phượng | 08/12/1995 | Đắk Lắk | Y học cổ truyền. | | |
| 131 | 14615 | 327214615 | Lê Ngọc Phương Quỳnh | 05/10/1996 | Đồng Nai | Y học cổ truyền. | | |
| 132 | 14617 | 327214617 | Võ Thị Ánh Sáng | 06/11/1995 | Sóc Trăng | Y học cổ truyền. | | |
| 133 | 14619 | 327214619 | Huỳnh Minh Thái | 02/01/1988 | Đồng Tháp | Y học cổ truyền. | | |
| 134 | 14621 | 327214621 | Phan Mỹ Trang | 22/02/1996 | Bình Định | Y học cổ truyền. | | |
| 135 | 14622 | 327214622 | Ngô Thị Tường Vi | 28/10/1995 | Long An | Y học cổ truyền. | | |

| TT | Số báo danh | Mã HV | Họ tên | Ngày sinh | Nơi sinh | Chuyên ngành | Mã đề | Ký tên |
|-----|-------------|-----------|---------------------|-----------|-----------|------------------|-------|--------|
| 136 | 14623 | 327214623 | Vòng Thị Thanh Xuân | 21/8/1993 | Lâm Đồng | Y học cổ truyền. | | |
| 137 | 15500 | 427215500 | Đặng Thái Bình | 01/8/1990 | Bình Định | Y học dự phòng. | | |

Ấn định danh sách 137 học viên.

TRUNG TÂM Y SINH HỌC PHÂN TỬ

Hiện diện:

Vắng mặt:

Tổng số bài thi:

Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1: (ký tên, ghi họ tên)

Cán bộ coi thi 2: (ký tên, ghi họ tên)